

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

#### 1.1 Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung
- Tên dự toán mua sắm: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung
- Tên Chủ đầu tư: Văn phòng Đảng ủy xã Nguyễn Trãi.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2025
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Văn phòng Đảng ủy xã Nguyễn Trãi
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày.

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu có bảng chào kỹ thuật đầy đủ các nội dung: Tên hàng hóa, model (hoặc ký mã hiệu), hãng sản xuất, xuất xứ, đặc tính kỹ thuật, thời gian bảo hành của hàng hoá. Hàng hóa mà nhà thầu cung cấp có thông tin, thông số kỹ thuật hoàn toàn đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn về thông tin, thông số kỹ thuật của hàng hóa nêu tại chương V của E-HSMT.

- Chất lượng hàng hoá: Hàng mới 100% sản xuất năm 2025 đúng chủng loại, kí mã hiệu đảm bảo chất lượng, các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn. Nhà thầu phải gửi tài liệu kỹ thuật (catalogue/datasheet) kèm theo để chứng minh.

- Phụ tùng, dụng cụ đồ nghề theo xe, Catalogue:

- + 01 Bánh xe dự phòng
- + 01 Kịch bánh xe
- + 01 Bộ Tay quay hạ lốp và mở lốp
- + 01 Catalogue

- Cung cấp phụ tùng thay thế: Có cam kết cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng

- Tài liệu và hướng dẫn kỹ thuật: Có sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên tài sản
1	XE Ô TÔ FORD TERRITORY TITANIUM X

STT	Tên tài sản																																																
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã kiểu loại: JX6470PD6-Tita X</li> <li>- Dung tích xi lanh 1490 cc</li> <li>- Nhiên liệu sử dụng: Xăng</li> <li>- Chất lượng: mới 100%</li> <li>- Số chỗ ngồi: 05 chỗ</li> <li>- Nước sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Năm sản xuất: 2025</li> </ul>																																																
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" data-bbox="347 541 1448 625" style="text-align: center;"><b><i>Động cơ &amp; Tính năng Vận hành / Power and Performance</i></b></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="347 625 863 716">Động cơ</td> <td data-bbox="863 625 1448 716" style="text-align: center;">Xăng 1.5L EcoBoost tăng áp I4 Phun xăng trực tiếp</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 716 863 764">Dung tích xi lanh (cc)</td> <td data-bbox="863 716 1448 764" style="text-align: center;">1490</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 764 863 812">Công suất cực đại (PS/vòng/phút)</td> <td data-bbox="863 764 1448 812" style="text-align: center;">160 PS(118kW) / 5400-5700rpm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 812 863 903">Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)</td> <td data-bbox="863 812 1448 903" style="text-align: center;">248Nm / 1500-3500rpm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 903 863 951">Chế độ lái tùy chọn</td> <td data-bbox="863 903 1448 951" style="text-align: center;">Có</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 951 863 999">Hộp số</td> <td data-bbox="863 951 1448 999" style="text-align: center;">Số tự động 7 cấp</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 999 863 1047">Trợ lực lái</td> <td data-bbox="863 999 1448 1047" style="text-align: center;">Trợ lực lái điện</td> </tr> <tr> <th colspan="2" data-bbox="347 1047 1448 1096" style="text-align: center;"><b><i>Kích thước / Dimension</i></b></th> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1096 863 1144">Dài x Rộng x Cao (mm)</td> <td data-bbox="863 1096 1448 1144" style="text-align: center;">4685 x 1935 x 1706</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1144 863 1192">Khoảng sáng gầm xe (mm)</td> <td data-bbox="863 1144 1448 1192" style="text-align: center;">190</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1192 863 1241">Chiều dài cơ sở (mm)</td> <td data-bbox="863 1192 1448 1241" style="text-align: center;">2726</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1241 863 1289">Dung tích thùng nhiên liệu (L)</td> <td data-bbox="863 1241 1448 1289" style="text-align: center;">60</td> </tr> <tr> <th colspan="2" data-bbox="347 1289 1448 1337" style="text-align: center;"><b><i>Hệ thống treo trước / Front Suspension</i></b></th> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1337 863 1407">Hệ thống treo trước</td> <td data-bbox="863 1337 1448 1407" style="text-align: center;">Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1407 863 1497">Hệ thống treo sau</td> <td data-bbox="863 1407 1448 1497" style="text-align: center;">Hệ thống treo độc lập đa liên kết, lò xo trụ, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực</td> </tr> <tr> <th colspan="2" data-bbox="347 1497 1448 1545" style="text-align: center;"><b><i>Hệ thống phanh / Brake system</i></b></th> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1545 863 1593">Phanh trước và sau</td> <td data-bbox="863 1545 1448 1593" style="text-align: center;">Phanh Đĩa</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1593 863 1642">Cỡ lốp</td> <td data-bbox="863 1593 1448 1642" style="text-align: center;">235/50R19</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1642 863 1690">Bánh xe</td> <td data-bbox="863 1642 1448 1690" style="text-align: center;">Vành hợp kim nhôm 19”</td> </tr> <tr> <th colspan="2" data-bbox="347 1690 1448 1738" style="text-align: center;"><b><i>Trang thiết bị an toàn / Safety features</i></b></th> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1738 863 1808">Túi khí phía trước cho người lái và hành khách</td> <td data-bbox="863 1738 1448 1808" style="text-align: center;">Có</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1808 863 1856">Túi khí bên</td> <td data-bbox="863 1808 1448 1856" style="text-align: center;">Có</td> </tr> <tr> <td data-bbox="347 1856 863 1904">Túi khí rèm dọc hai bên trần xe</td> <td data-bbox="863 1856 1448 1904" style="text-align: center;">Có</td> </tr> </tbody> </table>	<b><i>Động cơ &amp; Tính năng Vận hành / Power and Performance</i></b>		Động cơ	Xăng 1.5L EcoBoost tăng áp I4 Phun xăng trực tiếp	Dung tích xi lanh (cc)	1490	Công suất cực đại (PS/vòng/phút)	160 PS(118kW) / 5400-5700rpm	Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	248Nm / 1500-3500rpm	Chế độ lái tùy chọn	Có	Hộp số	Số tự động 7 cấp	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện	<b><i>Kích thước / Dimension</i></b>		Dài x Rộng x Cao (mm)	4685 x 1935 x 1706	Khoảng sáng gầm xe (mm)	190	Chiều dài cơ sở (mm)	2726	Dung tích thùng nhiên liệu (L)	60	<b><i>Hệ thống treo trước / Front Suspension</i></b>		Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo độc lập đa liên kết, lò xo trụ, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực	<b><i>Hệ thống phanh / Brake system</i></b>		Phanh trước và sau	Phanh Đĩa	Cỡ lốp	235/50R19	Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 19”	<b><i>Trang thiết bị an toàn / Safety features</i></b>		Túi khí phía trước cho người lái và hành khách	Có	Túi khí bên	Có	Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
<b><i>Động cơ &amp; Tính năng Vận hành / Power and Performance</i></b>																																																	
Động cơ	Xăng 1.5L EcoBoost tăng áp I4 Phun xăng trực tiếp																																																
Dung tích xi lanh (cc)	1490																																																
Công suất cực đại (PS/vòng/phút)	160 PS(118kW) / 5400-5700rpm																																																
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	248Nm / 1500-3500rpm																																																
Chế độ lái tùy chọn	Có																																																
Hộp số	Số tự động 7 cấp																																																
Trợ lực lái	Trợ lực lái điện																																																
<b><i>Kích thước / Dimension</i></b>																																																	
Dài x Rộng x Cao (mm)	4685 x 1935 x 1706																																																
Khoảng sáng gầm xe (mm)	190																																																
Chiều dài cơ sở (mm)	2726																																																
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	60																																																
<b><i>Hệ thống treo trước / Front Suspension</i></b>																																																	
Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực																																																
Hệ thống treo sau	Hệ thống treo độc lập đa liên kết, lò xo trụ, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực																																																
<b><i>Hệ thống phanh / Brake system</i></b>																																																	
Phanh trước và sau	Phanh Đĩa																																																
Cỡ lốp	235/50R19																																																
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 19”																																																
<b><i>Trang thiết bị an toàn / Safety features</i></b>																																																	
Túi khí phía trước cho người lái và hành khách	Có																																																
Túi khí bên	Có																																																
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có																																																

STT	Tên tài sản	
	Camera	Camera toàn cảnh
	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
	Hệ thống chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD	Có
	Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)	Có
	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
	Hệ thống hỗ trợ đỗ đèo	Có
	Hệ thống kiểm soát hành trình	Kiểm soát hành trình thích ứng
	Hệ thống hỗ trợ cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
	Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo xe cắt ngang	Có
	Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
	Hệ thống kiểm soát áp suất lốp	Có
	Hệ thống chống trộm	Có
	<b>Trang thiết bị ngoại thất / Exterior</b>	
	Đèn phía trước	LED, tự động bật đèn
	Đèn pha chống chói tự động	Có
	Gạt mưa tự động	Có
	Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện, sấy
	Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
	Cửa hậu đóng/mở điện	Có
	<b>Trang thiết bị bên trong xe / Interior</b>	
	Khởi động bằng nút bấm	Có
	Chìa khóa thông minh	Có
	Khởi động từ xa	Có
	Đèn trang trí nội thất	Đa màu
	Điều hoà nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
	Cửa gió điều hoà sau	Có
	Chất liệu ghế	Da cao cấp có thông gió hàng ghế trước
	Chất liệu bọc tay lái	Da cao cấp
	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
	Điều chỉnh ghế phụ	Chỉnh điện 4 hướng
	Gương chiếu hậu trong xe	Điện tử với Camera tích hợp
	Cửa kính điều khiển điện (1 chạm lên xuống)	Có (tất cả các ghế)

STT	Tên tài sản	
	Kết nối Apple Carplay & Androi Auto	Không dây
	Hệ thống âm thanh	8 loa với hệ thống âm thanh vòm
	Màn hình giải trí trung tâm	Màn hình TFT cảm ứng 12,3”
	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình TFT 12,3”
	Sạc không dây	Có
	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
	<b>Thiết bị kèm theo xe</b>	
	Sàn 360 labor	Có
	Thảm lót chân Labor	Có
	Camera hành trình Vietmap S860	Có
	Phim cách nhiệt 3M Thương gia	Có

### **1.3. Các yêu cầu khác**

#### **1.3.1. Yêu cầu về bảo hành**

##### **a) Về bảo hành**

- Thời gian bảo hành: Xe được bảo hành trong thời gian  $\geq 36$  tháng hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi bàn giao, nghiệm thu.

- Nội dung bảo hành: Thực hiện việc sửa chữa, thay thế linh kiện hoặc đổi hàng hóa khác bị hư hỏng không phải do lỗi của Chủ đầu tư.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời gian bảo hành:

+ Hỗ trợ trực tiếp tại các địa điểm của Chủ đầu tư.

+ Mọi chi phí khắc phục các nội dung bảo hành trong thời gian bảo hành do nhà thầu chịu.

##### **b) Về bảo trì**

- Nhà thầu có cam kết có đội ngũ cán bộ kỹ thuật sửa chữa hàng hóa, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sửa chữa trong vòng 03 giờ ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Có lịch trình bảo trì thiết bị trong và sau thời gian bảo hành. Trong thời gian bảo hành, số lần bảo trì thiết bị tối thiểu 01 lần trong từng khoảng thời gian 03 tháng.

##### **c) Về thời gian đáp ứng sự cố**

Kể từ khi nhận được thông báo sự cố, nhà thầu phải đảm bảo:

- Nhận thông tin sự cố: Có số điện thoại hotline để chủ đầu tư liên lạc khi cần hỗ trợ.

- Tiếp nhận thông tin về sự cố theo cơ chế 24/7: 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần (tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày lễ, tết).

- Thời gian cam kết phản hồi khi có sự cố: Tối đa 2 giờ kể từ lúc nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Thời gian cam kết cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự cố sau khi nhận được thông báo: Tối đa 03 giờ kể từ lúc nhận được yêu cầu.

- Có quy trình bảo hành, bảo trì, khắc phục sự cố.

### ***1.3.2. Yêu cầu về vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao hàng hoá***

Chủ đầu tư có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

+ Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng.

+ Thời gian: do các bên thỏa thuận;

+ Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;

+ Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chi trả.

### ***1.3.3. Yêu cầu về đào tạo, chuyển giao công nghệ***

- Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn khai thác sử dụng thiết bị mà nhà thầu đã cung cấp.

- Phương thức đào tạo: Đào tạo cho cán bộ sử dụng hiểu biết về chức năng hoạt động, xử lý sự cố của thiết bị.

### ***1.3.4. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết***

Nhà thầu phải nêu rõ những ảnh hưởng tác động đến môi trường trong quá trình từ gia công, sản xuất, chế tạo đến lắp đặt, phải có biện pháp giải quyết những ảnh hưởng tác động đến môi trường.

### ***1.3.5. Các yêu cầu khác***

- Nhà thầu có cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản, tài liệu kỹ thuật mà nhà thầu cung cấp. Mọi gian lận về văn bản, tài liệu, các thông số kỹ thuật về hàng hoá của nhà thầu là căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu của Chủ đầu tư. Đồng thời, Chủ đầu tư sẽ tạo cảnh báo vi phạm của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc chuyển cơ quan chức năng theo quy định.

- Nhà thầu có cam kết trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng phải chấp hành đầy đủ các nội quy, quy định của cơ quan về an ninh, an toàn, bảo vệ bí mật nhà nước và phòng chống cháy nổ.

- Nhà thầu có cam kết sẽ bồi thường thiệt hại các hư hỏng do nhà thầu gây ra trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Nhà thầu có cam kết sẽ tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động và con người của nhà thầu trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Nhà thầu có cam kết bố trí đội ngũ cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng tốt yêu cầu công việc của gói thầu.

- Nhà thầu có cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin, dữ liệu trong quá trình thực hiện gói thầu và chịu toàn bộ trách nhiệm khi vi phạm các quy định của pháp luật.

- Nhà thầu có cam kết không vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ, chính sách thuế, chính sách bảo hiểm và các chính sách liên quan do Nhà nước ban hành.

**Lưu ý:**

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “Tương đương” hoặc “Tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT;

- Từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalogue, đặc tính thông số kỹ thuật hoặc xuất xứ nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương so với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho bất kỳ nhà thầu nào đó;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật không theo yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu có tài liệu chứng minh hàng hóa đó có công năng sử dụng tương đương với hàng hóa mời thầu và phù hợp với yêu cầu của người sử dụng. Tổ chuyên gia sẽ xem xét, đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo bảng sau:

STT	Tên thiết bị theo E-HSMT	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật chào thầu	Mã hàng	Nhãn Hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tài liệu tham chiếu	Tuyên bố đáp ứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa 1:	- Tính năng kỹ thuật 1							Trang ... của Tài liệu tham chiếu	

**Ghi chú:**

+ Cột 1, 2, 3: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;

+ Cột 4,5,6,7,8,9: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;

+ Cột 10: Nhà thầu ghi thông tin theo tài liệu chứng minh cho các thông tin nhà thầu kê khai tại cột (4); Trường hợp nhà thầu không chỉ rõ xem như nhà thầu không đáp ứng tiêu chí này.

+ Cột 11: Nhà thầu ghi khả năng đáp ứng của nhà thầu: **Đáp ứng, Tương Đương, Tốt hơn, Thấp hơn;**

**Mục 2. Bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Thời gian: Trước khi chính thức bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.
- Địa điểm: Tại các địa điểm của Chủ đầu tư.
- Kiểm tra đảm bảo khối lượng, phạm vi, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đúng theo yêu cầu của hợp đồng.
- Đảm bảo an toàn hệ thống khi triển khai lắp đặt và vận hành thử.
- Nhà thầu có trách nhiệm tự kiểm tra, vận hành thử trước khi nghiệm thu để chứng tỏ rằng hàng hóa đáp ứng toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu..
- Nhà thầu cam kết trước khi giao hàng nếu Chủ đầu tư yêu cầu thì sẽ đi thực tế tại cơ sở sản xuất thiết bị để kiểm tra năng lực sản xuất, chất lượng thiết bị của nhà thầu/ nhà thầu phụ. Nhà thầu chuẩn bị tất cả các tài liệu cần thiết kèm theo (nếu cần) để chứng minh năng lực sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm đáp ứng theo hợp đồng ký kết. Toàn bộ chi phí nhà thầu chịu.